

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HC-PT
Ngày 14-5-2021
V/v “*Khởi kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực Thuế*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Xuân Long

Các Thẩm phán: Bà Lý Thị Lệ Thủy
Ông Nguyễn Minh Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Lê Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 01/2021/TLPT-HC ngày 01 tháng 3 năm 2021 về khởi kiện “*Quyết định số 14447/QĐ-KPHQ ngày 30-12-2019 của Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực V và Quyết định số 14565/QĐ-CCT ngày 31-12-2019 của Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực V*”.

Do Bản án sơ thẩm số 05/2020/HC-ST ngày 26-11-2020 của Tòa án nhân dân thành phố V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXPT-HC ngày 19-4-2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2021/QĐ-PT ngày 10-5-2021 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Đại T;

Địa chỉ: Số X, đường Y, phường Z, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Việt Q, sinh năm 1971 (có mặt), chức vụ: Kế toán Công ty; là đại diện theo ủy quyền theo Văn bản ủy quyền ngày 27-4-2021.

2. *Người bị kiện:* Chi Cục trưởng Chi cục Thuế khu vực V ;

Địa chỉ: Số X, đường Y, phường Z, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Cao Quang D, sinh năm 1965 (có mặt), chức vụ: Phó Chi cục trưởng – Chi cục Thuế khu vực V; là đại diện

theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 19-4-2021.

3. *Người kháng cáo:* Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Vào ngày 05-11-2019 và ngày 06-11-2019, Chi cục thuế V, đã đổi tên thành Chi cục thuế khu vực V (sau đây gọi là Chi cục Thuế) kiểm tra thuế của Công ty TNHH Sản xuất Đại T (sau đây gọi là Công ty Đại T) từ năm 2009 đến năm 2011.

Ngày 21-11-2019, Chi Cục trưởng Chi cục Thuế thành phố V ban hành quyết định số 12685/QĐ-KPHQ về việc áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả với những nội dung như sau:

- Truy thu thuế GTGT số tiền 179.931.514 đồng;
- Tính tiền chậm nộp tiền thuế với mức 0.05%/ngày từ ngày 30-6-2016 trở về trước và mức 0.03%/ngày giai đoạn từ ngày 01-7-2016 trên số tiền thuế GTGT chậm nộp kể từ ngày kế tiếp sau ngày hết hạn kê khai đến ngày ký biên bản 20-11-2019 số tiền là 165.429.034 đồng.

Với hành vi: Đơn vị kê khai thuế Giá trị gia tăng (GTGT) đầu vào không đúng quy định dẫn đến kê khai thiếu số thuế GTGT phải nộp trong niên độ kiểm tra.

Ngày 30-12-2019, Chi Cục trưởng Chi cục thuế thành phố V ban hành quyết định số 14447/QĐ-KPHQ về việc điều chỉnh Quyết định số 12685/QĐ-KPHQ ngày 21-11-2019 với những nội dung như sau:

- Truy thu thuế GTGT số tiền từ 179.931.514 đồng thành 150.765.414 đồng;
- Tính tiền chậm nộp tiền thuế với mức 0.05%/ngày từ ngày 30-6-2016 trở về trước và mức 0.03%/ngày giai đoạn từ ngày 01-7-2016 trên số tiền thuế GTGT chậm nộp kể từ ngày kế tiếp sau ngày hết hạn kê khai đến ngày ký biên bản 20-11-2019 số tiền là 165.429.034 đồng thành 138.613.722 đồng.

Ngày 31-12-2019, Chi Cục trưởng Chi cục Thuế ban hành Quyết định số 14565/QĐ-CCT giải quyết khiếu nại (lần đầu) của Công ty, không công nhận nội dung đơn khiếu nại của Công ty, giữ nguyên Quyết định số 14447/QĐ-KPHQ ngày 30-12-2019 về việc điều chỉnh Quyết định số 12685/QĐ-KPHQ ngày 21-11-2019.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người khởi kiện - Công ty TNHH Sản xuất Đại T trình bày:

Ngày 26-9-2019, Công ty TNHH Sản xuất Đại T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy một phần quyết định số 14447/QĐ-KPHQ ngày 30-12-2019 của Chi Cục trưởng Chi cục Thuế thành phố V đối với phần “Tính tiền chậm nộp tiền thuế với mức 0.05%/ngày từ ngày 30-6-2016 trở về trước và mức 0.03%/ngày giai đoạn từ ngày 01-7-2016 trên số tiền thuế GTGT chậm nộp kể từ ngày kế tiếp sau ngày hết hạn kê khai đến ngày ký biên bản 20-11-2019 số tiền là 165.429.034 đồng thành 138.613.722 đồng”.

Lý do:

Hành vi sai phạm về thuế của Công ty Đại T phải áp dụng Điều 110 của Luật quản lý thuế 78/2006/QH11 có hiệu lực từ ngày 01-07-2007 thì: *“Đối với hành vi trốn thuế, gian lận thuế chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, hành vi chậm nộp tiền thuế, khai thiếu nghĩa vụ thuế, thời hiệu xử phạt là năm năm, kể từ ngày hành vi vi phạm được thực hiện”, Quá thời hiệu xử phạt vi phạm pháp luật về thuế thì người nộp thuế không bị xử phạt nhưng vẫn phải nộp đủ số tiền thuế thiếu, số tiền thuế trốn, số tiền thuế gian lận vào ngân sách nhà nước”*. Căn cứ vào quy định này thì Công ty không phải chịu tiền chậm nộp tiền thuế.

Tuy nhiên, Chi Cục trưởng Chi cục Thuế lại áp dụng Điều 110 được sửa đổi trong Luật quản lý thuế 21/2012/QH13: *“Quá thời hiệu xử phạt vi phạm pháp luật về thuế thì người nộp thuế không bị xử phạt nhưng vẫn phải nộp đủ số tiền thuế thiếu, số tiền thuế trốn, số tiền thuế gian lận, tiền chậm nộp vào ngân sách nhà nước trong thời hạn mười năm trở về trước; kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm”* là sai bởi lẽ, Luật quản lý thuế số 21/2012/QH13 có hiệu lực từ ngày 01-07-2013; tức là sau khi có hành vi vi phạm.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người bị kiện - Chi Cục trưởng Chi cục Thuế khu vực V trình bày:

Theo Công ty Đại T thì tất cả các khoản phạt vi phạm hành chính về thuế của Công ty đều quá thời hiệu xử phạt 5 năm, không phải tính phạt. Cách hiểu của Công ty Đại T có sự nhầm lẫn. Lý do như sau:

Căn cứ pháp lý để ban hành Quyết định số 14447/QĐ-KPHQ ngày 30-12-2019 về việc điều chỉnh Quyết định số 12685/QĐ-KPHQ ngày 21-11-2019 và Quyết định số 14565/QĐ-CCT ngày 31-12-2019 giải quyết khiếu nại (lần đầu) của Chi Cục trưởng Chi cục Thuế đối với Công ty Đại T đó là:

- Tại khoản 1, khoản 3 Điều 156 Luật ban hành văn bản QPPL số 80/2015/QH13 quy định về áp dụng văn bản quy phạm pháp luật:

“1. Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng từ thời điểm bắt đầu có hiệu lực.

Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng đối với hành vi xảy ra tại thời điểm mà văn bản đó đang có hiệu lực. Trong trường hợp quy định của văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực trở về trước thì áp dụng theo quy định đó.

3. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật do cùng một cơ quan ban hành có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau”.

- Tại khoản 35 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật QLT số 21/2012/QH13 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01-7-2013) thì khoản 2, khoản 3 Điều 110 Luật QLT số 78/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Đối với hành vi trốn thuế, gian lận thuế chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, hành vi khai thiếu số thuế phải nộp hoặc tăng số thuế được hoàn, thời hiệu xử phạt là năm năm, kể từ ngày thực hiện hành vi vi phạm.

3. Quá thời hiệu xử phạt vi phạm pháp luật về thuế thì người nộp thuế không bị xử phạt nhưng vẫn phải nộp đủ số tiền thuế thiếu, số tiền thuế trốn, số tiền thuế gian lận, tiền chậm nộp vào ngân sách nhà nước trong thời hạn mười năm trở về trước, kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm. ”

Do đó, căn cứ các quy định trên, áp dụng Khoản 1, Khoản 3 Điều 156 Luật ban hành văn bản QPPL số 80/2015/QH13 thì:

Luật số 78 và Luật số 21 đều do cùng cơ quan là Quốc hội ban hành có quy định khác nhau về cùng một vấn đề là xử lý chậm nộp thuế. Luật số 78 quy định chậm nộp là một nội dung xử phạt *“Đối với hành vi chậm nộp tiền thuế, thời hiệu xử phạt là năm năm, kể từ ngày hành vi vi phạm được thực hiện”*. Trong khi đó Luật số 21 quy định chậm nộp là một nội dung khắc phục hậu quả *“Quá thời hiệu xử phạt vi phạm pháp luật về thuế thì người nộp thuế vẫn phải nộp đủ tiền chậm nộp vào ngân sách nhà nước trong thời hạn mười năm trở về trước, kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm”*. Luật 21 có hiệu lực từ 01-7-2013 thì tất nhiên tính chậm nộp từ 01-7-2013. Như vậy, áp dụng quy định của luật đối với nội dung có quy định khác nhau về cùng một vấn đề là xử lý chậm nộp thuế tại hai văn bản luật do cùng một cơ quan ban hành thì áp dụng văn bản luật ban hành sau là Luật số 21.

- Căn cứ khoản 1 Điều 156 Luật ban hành văn bản QPPL số 80/2015/QH13:

Luật số 21 có quy định phải nộp tiền chậm nộp trong thời hạn 10 năm trở về trước, kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm. Khoảng thời gian này nằm trong thời hiệu của Luật số 78 nhưng phải áp dụng Luật số 21 theo như quy định tại khoản 1 nêu trên.

Chi Cục trưởng Chi cục Thuế áp dụng văn bản quy phạm pháp luật theo Luật ban hành văn bản QPPL số 80/2015/QH13; thực hiện tính tiền chậm nộp theo quy định tại Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 và Luật sửa đổi, bổ sung Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13. Việc Công ty khiếu nại số tiền chậm nộp của thuế GTGT truy thu qua kiểm tra thuế niên độ 2009 đến 2011 là không có cơ sở.

Chi Cục trưởng Chi cục Thuế khu vực V đề nghị Tòa án nhân dân thành phố V giải quyết yêu cầu của người khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án sơ thẩm số 05/2020/HC-ST ngày 26-11-2020 của Tòa án nhân dân thành phố V đã:

Áp dụng: Khoản 2, Khoản 3 Điều 110 Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11; điểm 3 Khoản 35 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13; điểm a khoản 2 Điều 79 của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 17/2008/QH12 ngày 03-6-2008; điểm a Khoản 2 Điều 152 và Khoản 1, Khoản 4 Điều 156 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22-6-2015; Khoản 1 Điều 30, Khoản 1 Điều 31, điểm a Khoản 2 Điều 116,

điểm b Khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Sản xuất Đại T đối với Chi Cục trưởng Chi cục Thuế khu vực Vũng Tàu – Côn Đảo.

Hủy Quyết định số 14447/QĐ-KPHQ ngày 30-12-2019 “về việc thu tiền chậm nộp tiền thuế” cho niên độ kiểm tra thuế 2009-2011 và Quyết định số 14565/QĐ-CCT ngày 31-12-2019 của Chi Cục trưởng Chi cục Thuế khu vực V về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Sản xuất Đại T.

2. Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 07-12-2020 người bị kiện Chi Cục trưởng - Chi cục Thuế khu vực V kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án sơ thẩm số 05/2020/HC-ST ngày 26-11-2020 của Tòa án nhân dân thành phố V. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm:

Sửa toàn bộ bản án sơ thẩm 05/2020/HC-ST ngày 26-11-2020 của Tòa án nhân dân thành phố V; Giữ nguyên Quyết định số 14447/QĐ-KPHQ ngày 30-12-2019 của Chi Cục trưởng Chi cục Thuế thành phố V về việc áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả; Giữ nguyên Quyết định số 14565/QĐ-CCT ngày 31-12-2019 của Chi Cục trưởng Chi cục Thuế thành phố V về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Sản xuất Đại T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định về trình tự thủ tục tố tụng, các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết đã được Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm xác định đúng pháp luật.

Về nội dung: Hành vi vi phạm về thuế của Công ty Đại T xảy ra vào những năm 2009 đến năm 2011, do vậy cần áp dụng Luật quản lý thuế năm 2006 đang có hiệu lực thi hành để giải quyết. Tuy nhiên, Chi Cục trưởng Chi cục Thuế khu vực V đã áp dụng Luật quản lý thuế năm 2012 có hiệu lực ngày 01-7-2013 là không phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 79 Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật năm 2008 và điểm a khoản 2 Điều 152 Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người bị kiện và giữ nguyên bản án của Tòa án cấp sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại tòa trên cơ sở tranh luận tại tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của Chi Cục trưởng Chi cục Thuế khu vực V nộp trong thời hạn và đúng thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 205, Điều 206 Luật Tố tụng hành chính nên hợp lệ, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét lại bản án theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện, đối tượng khởi kiện, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết đã được Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định là đúng pháp luật.

[2] Xét nội dung kháng cáo:

Theo xác nhận của Chi cục Thuế thì: Quyết định số 14447/QĐ-KPHQ ngày 30-12-2019 của Chi cục thuế thành phố V đối với phần “Tính tiền chậm nộp tiền thuế với mức 0.05%/ngày từ ngày 30-6-2016 trở về trước và mức 0.03%/ngày giai đoạn từ ngày 01-7-2016 trên số tiền thuế GTGT chậm nộp kể từ ngày kế tiếp sau ngày hết hạn kê khai đến ngày ký biên bản 20-11-2019 là 138.613.722 đồng” cho Công ty Đại T được cơ quan thuế áp dụng theo khoản 35 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật QLT số 21/2012/QH13 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01-7-2013).

Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Hành vi vi phạm về thuế của Công ty Đại T xảy ra trong những năm từ 2009 đến năm 2011; tính đến ngày kiểm tra ngày 05-11-2019 và ngày 06-11-2019 mới bị phát hiện là 08 năm. Căn cứ vào khoản 2 Điều 110 Luật quản lý thuế năm 2008 “*Thời hiệu xử phạt là năm năm, kể từ ngày hành vi vi phạm được thực hiện*”, thì hành vi vi phạm của Công ty Đại T không còn thời hiệu để xử phạt vi phạm.

[2.2] Xét việc áp dụng quy định pháp luật đối với hành vi của Công ty Đại T do quá thời hiệu xử phạt vi phạm thì thấy:

Thời điểm từ năm 2009 đến năm 2011, hành vi vi phạm về thuế của Công ty Đại T được điều chỉnh bởi Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29-11-2006 đang có hiệu lực thi hành. Tại khoản 3 Điều 110 Luật Quản lý Thuế số 78/2006/QH11 ngày 29-11-2006 quy định như sau: “*3. Quá thời hiệu xử phạt vi phạm pháp luật về thuế thì người nộp thuế không bị xử phạt nhưng vẫn phải nộp đủ số tiền thuế thiếu, số tiền thuế trốn, số tiền thuế gian lận vào ngân sách nhà nước*”. Theo quy định này thì không quy định trách nhiệm của người nộp thuế phải nộp tiền chậm nộp trong trường hợp quá thời hiệu xử phạt vi phạm pháp luật về thuế. Do đó, Công ty Đại T không phải nộp số tiền chậm nộp tiền thuế là 138.613.722 đồng.

[2.3] Xét việc áp dụng khoản 35 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01-7-2013)

– gọi tắt là Luật Quản lý Thuế năm 2012 của Chi Cục trưởng Chi cục Thuế đối với hành vi vi phạm về thuế của Công ty Đại T thì thấy:

Tại khoản 35 Điều 1 Luật Quản lý Thuế năm 2012 thì khoản 2, khoản 3 Điều 110 Luật Quản lý thuế năm 2006 được sửa đổi bổ sung như sau: “*Quá thời hiệu xử phạt vi phạm pháp luật về thuế thì người nộp thuế không bị xử phạt nhưng vẫn phải nộp đủ số tiền thuế thiếu, số tiền thuế trốn, số tiền thuế gian lận, tiền chậm nộp vào ngân sách nhà nước trong thời hạn mười năm trở về trước, kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm*”. Như vậy, Luật quản lý thuế năm 2012 đã bổ sung quy định trách nhiệm pháp lý mới đó là trách nhiệm của người nộp thuế phải nộp tiền chậm nộp vào ngân sách nhà nước.

Tại điểm a Khoản 2 Điều 79 của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 17/2008/QH12 ngày 03-6-2008 và điểm a Khoản 2 Điều 152 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22-6-2015 quy định “*Không được quy định hiệu lực trở về trước đối với các trường hợp sau đây: Quy định trách nhiệm pháp lý mới đối với hành vi mà vào thời điểm thực hiện hành vi đó pháp luật không quy định trách nhiệm pháp lý*” và Luật Quản lý thuế năm 2012 không có quy định về hiệu lực hồi tố.

Căn cứ vào các quy định trên thì không thể áp dụng quy định tại khoản 35 Điều 1 Luật Quản lý Thuế năm 2012 để làm căn cứ pháp lý buộc Công ty Đại T phải nộp tiền chậm nộp. Do đó, Chi Cục trưởng Chi cục Thuế ban hành Quyết định số 14447/QĐ-KPHQ ngày 30-12-2009 “về tính tiền chậm nộp thuế” đối với Công ty Đại T là trái với quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 79 của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 17/2008/QH12 ngày 03-6-2008 và điểm a Khoản 2 Điều 152 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22-6-2015. Vì vậy, Quyết định số 14447/QĐ-KPHQ ngày 30-12-2019 là chưa phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Chi cục trưởng Chi cục thuế chưa xem xét, đối chiếu các quy định của pháp luật về thuế tại thời điểm Công ty thực hiện hành vi vi phạm mà đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 14565/QĐ-CCT ngày 31-12-2019 với nội dung không chấp nhận nội dung Đơn khiếu nại lần đầu ngày 23-11-2019 và giữ nguyên Quyết định số 14447/QĐ-KPHQ ngày 30-12-2019 “về tính tiền chậm nộp thuế” đối với Công ty TNHH Sản xuất Đại T là không đúng quy định của pháp luật.

[2.4] Việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Đại T yêu cầu hủy Quyết định số 14447/QĐ-KPHQ ngày 30-12-2019 về việc tiền chậm nộp cho niên độ kiểm tra thuế 2009-2011 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 14565/QĐ-CCT ngày 31-12-2019 của Chi cục trưởng Chi cục thuế khu vực V là có cơ sở.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của Chi Cục trưởng Chi cục Thuế khu vực V nên giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH sản xuất Đại T.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH sản xuất Đại T được chấp nhận nên Chi Cục trưởng Chi cục Thuế khu vực V phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Chi Cục trưởng Chi cục Thuế khu vực V không được chấp nhận kháng cáo nên phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng Hành chính;

Không chấp nhận kháng cáo của Chi Cục trưởng Chi cục Thuế khu vực V, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2020/HC-ST ngày 26-11-2020 của Tòa án nhân dân thành phố V.

Áp dụng Điều 110 Luật Quản lý Thuế số 78/2006/QH11 ngày 29-11-2006; điểm a Khoản 2 Điều 79 của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 17/2008/QH12 ngày 03-6-2008; điểm a khoản 2 Điều 152 của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22-6-2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Đại T đối với Chi Cục trưởng Chi cục Thuế khu vực V .

Hủy một phần Quyết định số 14447/QĐ-KPHQ ngày 30-12-2019 của Chi Cục trưởng Chi cục Thuế khu vực V về nội dung “Tính tiền chậm nộp tiền thuế với mức 0.05%/ngày từ ngày 30-6-2016 trở về trước và mức 0.03%/ngày giai đoạn từ ngày 01-7-2016 trên số tiền thuế GTGT chậm nộp kể từ ngày kế tiếp sau ngày hết hạn kê khai đến ngày ký biên bản 20-11-2019 là 138.613.722 đồng” và hủy Quyết định số 14565/QĐ-CCT ngày 31-12-2019 của Chi Cục trưởng Chi cục Thuế thành phố V về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Sản xuất Đại T.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Chi Cục trưởng Chi cục Thuế khu vực V phải chịu số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Chi Cục trưởng Chi cục Thuế khu vực V phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007442 ngày 08-12-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Chi Cục trưởng Chi cục Thuế khu vực V đã nộp xong.

4. Các đương sự có quyền yêu cầu thi hành bản án, quyết định theo quy định tại các Điều 309, 311, 312 Luật tổ tụng hành chính.

5. Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (Ngày 14-5-2021).

Nơi nhận:

- Đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND Tp Vũng Tàu;
- VKSND Tp Vũng Tàu;
- Chi Cục THADS Tp Vũng Tàu;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

CAO XUÂN LONG

